

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	9

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy phép thành lập số 32/UBCK - GP ngày 24 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Giấy phép thành lập của Công ty đã được sửa đổi như sau:

Giấy phép thành lập

Số 24/UBCK - GPĐC ngày 3 tháng 10 năm 2008

Số 77/UBCK - GPĐC ngày 27 tháng 9 năm 2010

Số 82/UBCK - GPĐC ngày 17 tháng 11 năm 2010

Nội dung điều chỉnh

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính

Thay đổi vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy phép thành lập là 60 tỷ đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 8, Tòa nhà Hà Nội Tourist, 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 22 nhân viên (31.12.2010: 22 nhân viên), trong đó số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề là 8 nhân viên.

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	30 tháng 5 năm 2008
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên	30 tháng 5 năm 2008
Ông Nguyễn Đức Thành	Ủy viên	30 tháng 5 năm 2008
Ông Nguyễn Văn Lê	Ủy viên	30 tháng 5 năm 2008
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên	28 tháng 3 năm 2009

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Minh Hoàng	Tổng Giám đốc	30 tháng 5 năm 2008
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 5 năm 2008
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 5 năm 2008

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc,



TRẦN MINH HOÀNG
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2012

Số: 11-01-086

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội ("Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 05 đến trang 25 kèm theo, được lập ngày 18 tháng 02 năm 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan khác.

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, nhưng chúng tôi cũng lưu ý đến việc bao gồm trong các khoản chứng khoán đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bộ nhớ Điện tử và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Mới được đầu tư theo mệnh giá với tổng giá trị là 6.238.000.000 đồng. Hiện nay, Công ty chưa thu thập được các báo cáo tài chính liên quan để làm cơ sở xác định số dự phòng cần phải trích lập (nếu có). Do vậy, giá trị của các khoản đầu tư này đang được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán (tiếp theo):

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Tp. HCM, ngày 18 tháng 02 năm 2012

NGUYỄN ANH TUẤN

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2011	31.12.2010
A. Tài sản lưu động	100		28.551.808.191	51.495.241.482
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.693.596.517	25.623.528.079
1. Tiền mặt tại quỹ	111		100.118.300	515.611.900
2. Tiền gửi ngân hàng	112		191.742.106	207.916.179
4. Tương đương tiền	114	3	12.401.736.111	24.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.590.587.812	21.224.330.177
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	11.590.587.812	21.224.330.177
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.905.820.376	4.144.498.760
1. Phải thu khách hàng	131		53.406.596	1.151.662.220
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		3.007.932.767	2.051.280.275
4. Các khoản phải thu khác	134	4	844.481.013	941.556.265
IV. Tài sản lưu động khác	150		361.803.486	502.884.466
2. Tài sản lưu động khác	152	5,13	361.803.486	502.884.466
B. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	200		50.904.893.692	58.236.062.187
I. Tài sản cố định	210		1.057.279.520	1.484.026.003
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	993.127.520	1.398.490.003
- Nguyên giá	212		2.271.381.540	2.271.381.540
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(1.278.254.020)	(872.891.537)
2. Tài sản cố định vô hình	217	8	64.152.000	85.536.000
- Nguyên giá	218		106.920.000	106.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(42.768.000)	(21.384.000)
II. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	230		49.074.225.298	55.991.782.708
1. Đầu tư vào chứng khoán	231	10	23.010.653.418	35.289.197.340
2. Đầu tư dài hạn khác	232	9	32.354.988.770	26.024.988.770
3. Dự phòng giảm giá đầu tư	233	11	(6.291.416.890)	(5.322.403.402)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		773.388.874	760.253.476
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	16.688.874	3.553.476
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262		756.700.000	756.700.000
Tổng cộng tài sản	270		79.456.701.883	109.731.303.669

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

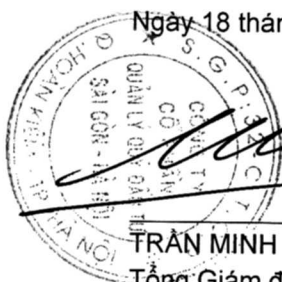
Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2011	31.12.2010
A. Nợ phải trả	300		2.257.561.907	9.890.904.507
I. Nợ ngắn hạn	310		2.089.561.907	9.890.904.507
2. Phải trả người bán	312		110.080.365	6.204.269.013
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	826.762.687	805.023.622
4. Phải trả người lao động	314		-	2.727.837.690
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	317	14	1.152.718.855	153.774.182
II. Nợ dài hạn	340		168.000.000	-
2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	342		168.000.000	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	15	77.199.139.976	99.840.399.162
I. Nguồn vốn	410		75.750.051.865	99.697.210.305
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		60.000.000.000	60.000.000.000
3. Lợi nhuận tích lũy	413		12.000.000.000	-
6. Quỹ dự trữ	416		9.021.927.110	6.285.544.910
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		(5.271.875.245)	33.411.665.395
II. Quỹ	420		1.449.088.111	143.188.857
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		1.449.088.111	143.188.857
Tổng cộng nguồn vốn	430		79.456.701.883	109.731.303.669

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	31.12.2011	31.12.2010
5. Chứng khoán theo mệnh giá	005	36.114.980.000	47.209.800.000

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 18 tháng 2 năm 2012



TRẦN MINH HOÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN DIỆU TRINH
Giám đốc Tài chính

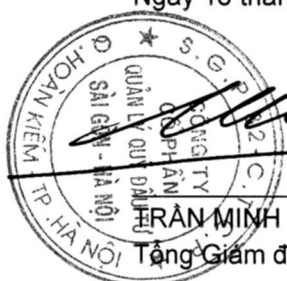
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	16	5.756.254.840	47.369.772.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		5.756.254.840	47.369.772.631
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	(3.559.507.949)	(5.882.135.698)
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		2.196.746.891	41.487.636.933
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	18	6.108.281.833	26.493.611.681
7. Chi phí tài chính	14	19	(3.997.381.736)	(9.805.716.783)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	20	(9.839.890.785)	(14.528.710.705)
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16		(5.532.243.797)	43.646.821.126
10. Thu nhập khác	17		438.933.141	63.683.207
11. Chi phí khác	18		(178.564.589)	(740.341)
12. Lợi nhuận khác	19		260.368.552	62.942.866
13. Lợi nhuận trước thuế	20		(5.271.875.245)	43.709.763.992
14. Thuế TNDN phải nộp	21	13	-	(10.298.098.597)
15. Lợi nhuận sau thuế	22		(5.271.875.245)	33.411.665.395
16. Lãi cơ bản trên cổ phần			(879)	6.573

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 18 tháng 2 năm 2012



TRẦN MINH HOÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN DIỆU TRINH
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp trực tiếp)
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	2011	2010 (Phân loại lại)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01	4.287.445.830	5.322.548.602
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	2.883.391.682	51.909.703.379
Tiền trả cho nhà cung cấp	06	(5.440.264.759)	(5.004.641.618)
Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho nhà nước	08	(2.093.263.736)	(22.552.519.971)
Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09	(9.407.955.898)	(17.498.894.003)
Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10	(5.090.000)	(35.478.800)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(3.481.008.689)	(9.623.089.647)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(13.256.745.570)	2.517.627.942
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	31	-	(138.872.300)
Tiền đầu tư chứng khoán	33	(22.660.977.275)	(107.861.155.001)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34	40.907.326.000	112.693.771.755
Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37	4.468.308.746	1.342.242.800
Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38	40.912.416.577	86.544.785.664
Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39	(51.875.260.040)	(84.971.359.708)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40	11.751.814.008	7.609.413.210
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả cổ tức cho cổ đông	46	(11.425.000.000)	(2.929.875.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50	(11.425.000.000)	(2.929.875.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60	(12.929.931.562)	7.197.166.152
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	70	25.623.528.079	18.426.361.927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	80	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	90	12.693.596.517	25.623.528.079

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 18 tháng 2 năm 2012



TRẦN MINH HOÀNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN DIỆU TRINH
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy phép thành lập số 32/UBCK - GP ngày 24 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Giấy phép thành lập của Công ty đã được sửa đổi như sau:

Giấy phép thành lập

Số 24/UBCK - GPĐC ngày 3 tháng 10 năm 2008
Số 77/UBCK - GPĐC ngày 27 tháng 9 năm 2010
Số 82/UBCK - GPĐC ngày 17 tháng 11 năm 2010

Nội dung điều chỉnh

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
Thay đổi vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy phép thành lập là 60 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 8, Tòa nhà Hà Nội Tourist, 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Ảnh hưởng của quy định pháp luật về chính sách kế toán

Trong năm, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ. Thông tư này thay thế cho Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán công ty quản lý quỹ. Công ty sẽ áp dụng các quy định mới về kế toán tại Thông tư này kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.5. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 4

2.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

2.9. Các khoản đầu tư

a) Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phần, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Giá trị ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

b) Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phần, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công ty khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ các khoản chia cổ tức của giai đoạn trước khi đầu tư sẽ được hạch toán giảm giá trị ban đầu các khoản đầu tư. Ngoài ra, từ năm 2010 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty. Cụ thể như sau:-

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- iv) Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.10. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 2 đến 5 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng.

2.11. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.12. Trích trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn một năm với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phần ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

c) Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ trích do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Phân phối lợi nhuận năm 2010 được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/2011/NQĐHCĐ-SHF ngày 28 tháng 5 năm 2011 như sau:

▪ Quỹ khen thưởng	6%
▪ Quỹ phúc lợi	5%
▪ Quỹ đầu tư phát triển	12,2%
▪ Quỹ dự trữ tài chính	5%
▪ Chia cổ tức bằng tiền	35,9%
▪ Chia cổ tức bằng cổ phiếu	35,9%

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư, phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

b) Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.16. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.18. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.19. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.20. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.21. Phân loại lại

Một số chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày của báo cáo tài chính năm nay.

3. Các khoản tương đương tiền

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	24.900.000.000	816.473.865.310	(828.972.129.199)	12.401.736.111
	24.900.000.000	816.473.865.310	(828.972.129.199)	12.401.736.111

4. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Ứng tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh	250.000.000	-
Cổ tức được nhận	160.646.800	927.846.800
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	428.290.032	-
Phải thu khác	5.544.181	13.709.465
	844.481.013	941.556.265

5. Tài sản lưu động khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Tạm ứng	248.217.045	369.955.245
Chi phí trả trước ngắn hạn	24.340.556	43.683.336
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu của nhà nước	89.245.885	89.245.885
	361.803.486	502.884.466

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Chứng khoán kinh doanh

	Mua (**)		Bán (*)		Số cuối năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán niêm yết	1.669.230	27.299.931.808	(3.569.060)	(60.499.462.943)	19.960	195.787.812
Cổ phiếu	1.669.230	27.299.931.808	(3.569.060)	(60.499.462.943)	19.960	195.787.812
Chứng khoán chưa niêm yết	1.192.000	11.750.330.000	(400.000)	(5.740.330.000)	792.000	11.394.800.000
Cổ phiếu (***)	1.192.000	11.750.330.000	(400.000)	(5.740.330.000)	792.000	11.394.800.000
Trái phiếu	-	-	(20.000)	(2.100.000.000)	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	(20.000)	(2.100.000.000)	-	-
	2.861.230	44.435.061.808	(3.989.060)	(68.339.792.943)	811.960	11.590.587.812

(*) Bao gồm tổng số cổ phiếu bán trong năm có 4.704.586.078 đồng tương ứng với 359.750 cổ phiếu được phân loại sang chứng khoán đầu tư đã được Tổng Giám đốc phê duyệt theo Tờ trình số .../2011/TTr/DTK ngày 4 tháng 11 năm 2011 của Giám đốc Đầu tư Chứng khoán và 14.270.988.770 đồng tương ứng với 1.159.000 cổ phiếu được phân loại lại sang đầu tư dài hạn khác.

(**) Bao gồm tổng số cổ phiếu mua trong năm có 5.384.800.000 đồng tương ứng với 392.000 cổ phiếu được phân loại từ chứng khoán đầu tư sang đã được Tổng Giám đốc phê duyệt theo Tờ trình số .../2011/TTr/DTK ngày ... tháng ... năm 2011 của Giám đốc Đầu tư Chứng khoán.

(***) Cổ phiếu chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc do không thu thập được giá thị trường.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	655.123.600	898.250.300	718.007.640	2.271.381.540
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	655.123.600	898.250.300	718.007.640	2.271.381.540
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	294.270.295	224.562.573	354.058.669	872.891.537
Tăng trong năm	131.024.724	89.825.028	184.512.731	405.362.483
Số dư cuối năm	425.295.019	314.387.601	538.571.400	1.278.254.020
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	360.853.305	673.687.727	363.948.971	1.398.490.003
Số dư cuối năm	229.828.581	583.862.699	179.436.240	993.127.520

8. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	106.920.000	106.920.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	106.920.000	106.920.000
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	21.384.000	21.384.000
Tăng trong năm	21.384.000	21.384.000
Số dư cuối năm	42.768.000	42.768.000
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	85.536.000	85.536.000
Số dư cuối năm	64.152.000	64.152.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

9. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Sóng Xanh theo Hợp đồng 2010/HTĐT/SHF ngày 1/12/2010 (*)	4.880.000.000	6.100.000.000
Hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Sóng Xanh theo Hợp đồng 2010/HTĐT/SHF ngày 2/10/2010 (**)	7.154.000.000	5.654.000.000
Hợp tác đầu tư với ông Nguyễn Ngọc Phúc theo thỏa thuận góp vốn đầu tư số 01/TTGVĐT/2011 ngày 3/1/2011 (***)	6.050.000.000	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (****)	14.270.988.770	14.270.988.770
	32.354.988.770	26.024.988.770

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Đầu tư Sóng Xanh ("BWI") để mua lại quyền khai thác 1.220 m² đất trồng rau tại phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội. Tổng giá trị lô đất mua lại là 6,1 tỷ đồng trong đó BWI góp 20% vốn đầu tư.

(**) Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Đầu tư Sóng Xanh ("BWI") để mua lại quyền thuê đất nông nghiệp tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Khu đất sẽ được lập dự án xin chuyển đổi thành đất ở đô thị.

(***) Hợp đồng hợp tác đầu tư với ông Nguyễn Ngọc Phúc để mua giá trị quyền sử dụng đất và công trình trên đất thuộc khu đất có diện tích 103,2 m² tại 1116 đường 3/2, phường 12, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ góp vốn của mỗi bên là 50% trên tổng giá trị lô đất trúng thầu là 12,1 tỷ đồng.

(****) Phân loại lại số dư đầu năm theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 86/HDD2009/PSI-SHF ngày 6 tháng 10 năm 2009, Công ty đã đầu tư và sở hữu 1,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Chứng khoán đầu tư

	Mua (*)		Bán (**)		Số cuối năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán sẵn sàng để bán - Cổ phiếu niêm yết	359.750	4.704.586.078	-	-	359.750	4.704.586.078
Cổ phiếu	359.750	4.704.586.078	-	-	359.750	4.704.586.078
Chứng khoán sẵn sàng để bán - Cổ phiếu chưa niêm yết	169.198	1.118.000.000	(1.489.600)	(18.101.130.000)	1.280.788	18.306.067.340
Cổ phiếu	169.198	1.118.000.000	(1.489.600)	(18.101.130.000)	1.280.788	18.306.067.340
	528.948	5.822.586.078	(1.489.600)	(18.101.130.000)	1.640.538	23.010.653.418

(*) Bao gồm trong tổng số cổ phiếu mua trong năm có 4.704.586.078 đồng tương ứng với 359.750 cổ phiếu được phân loại từ chứng khoán kinh doanh sang đã được Tổng Giám đốc phê duyệt theo Tờ trình số .../2011/TTr/DTCK ngày 4 tháng 11 năm 2011 của Giám đốc Đầu tư Chứng khoán.

(**) Bao gồm trong tổng số cổ phiếu bán trong năm có 5.384.800.000 đồng tương ứng với 392.000 cổ phiếu được phân loại sang chứng khoán kinh doanh đã được Tổng Giám đốc phê duyệt theo Tờ trình số .../2011/TTr/DTCK ngày ... tháng ... năm 2011 của Giám đốc Đầu tư Chứng khoán và 3.696.000.000 đồng tương ứng với 369.600 cổ phiếu hủy phát hành.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

11. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Chứng khoán kinh doanh	Số dư đầu năm	Số lập dự phòng trong năm			Số hoàn nhập dự phòng	Số dư cuối năm
		Số lượng	Trị giá	Số lập dự phòng		
Chứng khoán kinh doanh	1.076.607.324	19.960	195.787.812	86.145.812	(1.011.607.324)	151.145.812
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	60	767.812	575.812	-	575.812
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	-	19.900	195.020.000	85.570.000	-	85.570.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	680.800.000	-	-	-	(680.800.000)	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	151.457.920	-	-	-	(151.457.920)	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Gemadept	102.796.894	-	-	-	(102.796.894)	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 8	65.000.000	-	-	-	-	65.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	44.323.800	-	-	-	(44.323.800)	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công	25.134.388	-	-	-	(25.134.388)	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	7.094.322	-	-	-	(7.094.322)	-
Chứng khoán đầu tư	4.245.796.078	359.750	4.704.586.078	1.894.475.000	-	6.140.271.078
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	3.558.210.000	-	-	-	-	3.558.210.000
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	687.586.078	359.750	4.704.586.078	1.894.475.000	-	2.582.061.078
	5.322.403.402	379.710	4.900.373.890	1.980.620.812	(1.011.607.324)	6.291.416.890



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

12. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Công cụ dụng cụ	1.153.476	17.722.650	(4.107.252)	14.768.874
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	2.400.000	-	(480.000)	1.920.000
	3.553.476	17.722.650	(4.587.252)	16.688.874

13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	148.977	(148.977)	-
	-	148.977	(148.977)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT phải nộp	-	16.183.977	(16.183.977)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(89.245.885)	-	-	(89.245.885)
Thuế thu nhập cá nhân	805.023.622	1.689.877.001	(1.668.137.936)	826.762.687
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	715.777.737	1.709.060.978	(1.687.321.913)	737.516.802

13.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	2011	2010
Lợi nhuận thuần trước thuế	(5.271.875.245)	43.709.763.992
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	(841.228.696)	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(841.228.696)	(2.517.369.600)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(841.228.696)	(2.517.369.600)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	(6.113.103.941)	41.192.394.392
Lỗi năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	(6.113.103.941)	41.192.394.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	-	10.298.098.597
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	(89.245.885)	8.578.860.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	(18.966.205.119)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	(89.245.885)	(89.245.885)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

13.2. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	15.313.113	64.013.913
Kinh phí công đoàn	46.609.500	21.529.500
Cổ tức phải trả	600.000.000	25.000.000
Phải trả danh mục ủy thác	435.119.436	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	55.676.806	43.230.769
	1.152.718.855	153.774.182

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

15. Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn điều lệ	Lợi nhuận tích lũy	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 31.12.2010	60.000.000.000	-	4.885.544.910	1.400.000.000	143.188.857	33.411.665.395	99.840.399.162
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Bổ sung vốn từ các quỹ	-	12.000.000.000	4.065.798.930	1.670.583.270	3.675.283.195	(21.411.665.395)	-
Chi dùng các quỹ	-	-	-	-	(1.660.418.266)	-	(1.660.418.266)
Bù đắp chi phí tài chính trong năm	-	-	(3.000.000.000)	-	-	-	(3.000.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	(708.965.675)	-	(708.965.675)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(5.271.875.245)	(5.271.875.245)
Chia cổ tức năm 2011 (*)	-	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số dư 31.12.2011	60.000.000.000	12.000.000.000	8.951.343.840	70.583.270	1.449.088.111	(5.271.875.245)	77.199.139.976

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2011 số 01/2011/NQĐHCĐ-SHF ngày 28 tháng 5 năm 2011. Theo Nghị quyết, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ là 35,9% tương ứng 12 tỷ đồng và trả cổ tức bằng cổ phiếu cùng với tỷ lệ là 35,9% tương ứng 12 tỷ đồng. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là để tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 72 tỷ đồng và Công ty sẽ thực hiện sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị cổ tức bằng cổ phiếu được ghi nhận vào Lợi nhuận tích lũy và sẽ được dùng để bổ sung vốn điều lệ sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

15.1. Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2011	2010
Vốn cổ phần đầu năm	60.000.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	10.000.000.000
Vốn cổ phần giảm trong năm	-	-
Vốn cổ phần cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000

15.2. Cổ phần

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	6.000.000	6.000.000
<i>Cổ phần thường</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần mua lại	-	-
<i>Cổ phần thường</i>	-	-
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
<i>Cổ phần thường</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

16. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh

Nội dung	2011	2010
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	5.559.997.404	4.024.490.516
Thuởng từ lợi nhuận quản lý danh mục đầu tư	196.257.436	43.345.282.115
	5.756.254.840	47.369.772.631

17. Chi phí hoạt động kinh doanh

Nội dung	2011	2010
Chi phí lương nhân viên	3.080.266.275	5.222.615.837
Chi phí vật liệu	-	2.710.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	64.217.561	246.316.934
Chi phí khấu hao TSCĐ	72.606.221	72.806.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.221.755	246.151.174
Chi phí khác	88.196.137	91.535.721
	3.559.507.949	5.882.135.698

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

ire

18. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2011	2010
Lãi tiền gửi	2.502.908.832	2.476.487.147
Lãi đầu tư mua bán chứng khoán	2.391.548.783	21.499.754.934
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.050.828.696	2.517.369.600
Thu nhập tài chính khác	162.995.522	-
	6.108.281.833	26.493.611.681

19. Chi phí tài chính

Nội dung	2011	2010
Lãi đầu tư mua bán chứng khoán	3.028.368.248	6.397.900.546
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	969.013.488	3.407.816.237
	3.997.381.736	9.805.716.783

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2011	2010
Chi phí nhân viên quản lý	4.525.636.034	7.791.584.797
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	73.754.333	252.609.370
Chi phí khấu hao và phân bổ	354.140.262	358.008.862
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	712.139.589	1.977.146.582
Chi phí khác	4.171.220.567	4.146.361.094
	9.839.890.785	14.528.710.705

21. Lãi cơ bản trên cổ phần

Nội dung	2011	2010
<i>(Lỗ)/lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông</i>		
- (Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	(5.271.875.245)	33.411.665.395
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
<i>(Lỗ)/lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông</i>	(5.271.875.245)	33.411.665.395
<i>Số lượng cổ phần phổ thông bình quân trong năm</i>		
- Số lượng cổ phần đầu năm	6.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phần bình quân phát hành trong năm	-	83.333
- Số lượng cổ phần bình quân mua lại trong năm	-	-
<i>Số lượng cổ phần bình quân trong năm</i>	6.000.000	5.083.333
<i>Lãi cơ bản trên cổ phần</i>	(879)	6.573

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

22. Thông tin khác

22.1. Hoạt động quản lý quỹ

- Tổng số Quỹ đang thực hiện quản lý: -
- Tổng số vốn của các Quỹ đang thực hiện quản lý: -
- Số quỹ lập trong năm: -
- Phí quản lý quỹ thu được trong năm: -

22.2. Hoạt động quản lý danh mục đầu tư

- Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện: 27
- Số hợp đồng ký trong năm: 8
- Phí thu được trong năm: 5.559.997.404

22.3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	2011	2010
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	1,33	1,35
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	35,93	46,93
2. Tỷ suất lợi nhuận		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu (%)	(91,59)	70,53
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (%)	(6,83)	33,47
3. Tình hình tài chính		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	2,84	9,01
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	1.162,17	473,65
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định/ Tổng vốn chủ sở hữu (%)	1,37	1,49

23. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm kết thúc cùng ngày được phê chuẩn để phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2012.



TRẦN MINH HOÀNG
Tổng Giám đốc


NGUYỄN DIỆU TRINH
Giám đốc Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

22. Thông tin khác

22.1. Hoạt động quản lý quỹ

- Tổng số Quỹ đang thực hiện quản lý: -
- Tổng số vốn của các Quỹ đang thực hiện quản lý: -
- Số quỹ lập trong năm: -
- Phí quản lý quỹ thu được trong năm: -

22.2. Hoạt động quản lý danh mục đầu tư

- Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện: 27
- Số hợp đồng ký trong năm: 8
- Phí thu được trong năm: 5.559.997.404

22.3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	2011	2010
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	1,33	1,35
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	35,93	46,93
2. Tỷ suất lợi nhuận		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu (%)	(91,59)	70,53
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (%)	(6,83)	33,47
3. Tình hình tài chính		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	2,84	9,01
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	1.162,17	473,65
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định/ Tổng vốn chủ sở hữu (%)	1,37	1,49

23. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm kết thúc cùng ngày được phê chuẩn để phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2012.



TRẦN MINH HOÀNG
Tổng Giám đốc


NGUYỄN DIỆU TRINH
Giám đốc Tài chính